**HỘI CHỨNG CHẢY MÁU TRONG Ổ BỤNG**

**Câu hỏi đúng sai:**

Câu 1: các tổn thương gặp trong chảy máu trong ổ bụng là: **Đ.S.Đ.S**

* Vỡ tạng đặc do chấn thương
* Tụ máu dưới bao gan
* Chửa ngoài tử cung vỡ
* Đụng giập thành ruột non

Câu 2: Giá trị siêu âm đối với hội chứng chảy máu trong ổ bụng là: **Đ.S.Đ.S**

* Phát hiện được tổn thương tạng đặc
* Phát hiện được tổn thương tạng rỗng
* Theo dõi diễn biến tổn thương tạng
* Phân độ tổn thương tạng

Câu 3: Nguyên tắc xử trí chảy máu trong ổ bụng có tình trạng sốc là: **Đ.Đ.S.S**

* Vừa mổ vừa hồi sức
* Mổ càng sớm càng tốt
* Hồi sức tốt mới mổ
* Cần chẩn đoán đầy đủ tổn thương tạng trước khi mổ

**MCQ thông thường**

Câu 1: Biểu hiện sớm của hội chứng chảy máu trong ổ bụng là

1. Đau bụng đột ngột
2. Nôn liên tục
3. Bí trung đại tiện sớm
4. ỉa máu

Câu 2: Triệu chứng nào không nên tìm khi khám hội chứng chảy máu trong ổ bụng

1. xây xát da thành bụng
2. bụng chướng
3. Phản ứng thành bụng
4. Gõ đục vùng thấp

Câu 3: Ưu điểm của CLVT so với siêu âm trong HC chảy máu trong ổ bụng là

1. Định lượng được số lượng máu trong ổ bụng
2. Nhìn rõ được tổn thương các mạch máu trong ổ bụng
3. Phát hiện được các tổn thương sau phúc mạc
4. Phân loại được mức độ tổn thương tạng

Câu 4. Chọc dò ổ bụng để chẩn đoán HC chảy máu trong ổ bụng có ưu điểm là:

1. Có giá trị cho mọi trường hợp chấn thương bụng
2. Có tỉ lệ âm tính và dương tính giả thấp
3. Giúp chẩn đoán nhanh trong trường hợp chảy máu trong nặng
4. Dễ theo dõi BN khi chưa có CĐ phẫu thuật

Câu 5. Khi phẫu thuật điều trị HC chảy máu trong ổ bụng cần

1. Đi tìm ngay tất cả các tổn thương trong ổ bụng
2. Cầm máu tạm thời ngay những tổn thương đang chảy máu
3. Cắt bỏ ngay những tạng vỡ đang chảy máu
4. Truyền máu ngay khi bắt đầu mổ

Câu 6. Mục đích theo những trường hợp chảy máu trong ổ bụng do chấn thương chưa phải mổ ngay

1. Điều trị giảm đau cho BN
2. Phát hiện những trường hợp chảy máu thì 2 cần phải mổ
3. Chẩn đoán nguyên nhân gây chảy máu
4. Chẩn đoán tổn thương toàn thân phối hợp

**1.A 2.D 3.D 4.C 5.B 6.B**

**CÂU HỎI MCQ TỔ HỢP**

Câu 1. Dấu hiệu đau của hội chứng chảy máu trong ổ bụng có đặc điểm:

1. Đau bụng từng cơn
2. Đau liên tục, khắp bụng
3. Đau bụng tăng dần
4. Đau khu trú vùng tạng bị tổn thương
5. a,b B. b,c C. c,d D. d,a

Câu 2. Đối với HC chảy máu trong ổ bụng, chụp bụng không chuẩn bị:

1. được chỉ định cho mọi trường hợp
2. gây nguy hiểm cho BN khi tụt huyết áp
3. cho thấy hình ảnh có dịch ổ bụng
4. cho thấy hình ảnh liềm hơi dưới cơ hoành
5. a,b B. b,c C. c,d D. d,a

**1.B 2.B**

**Case study:** Bn nam 25T, tai nạn ngã xe máy, vào viện sau 2h, tỉh, nm nhợt, M126, HA 80/50, thở 30, rì rào 2 phế nang rõ, bụng chướng, ấn đau khắp bụng, có cảm ứng FM

Câu 1: Cần tiến hành gì thăm khám bệnh

1. Chụp XQ bụng ko chuẩn bị
2. SA bụng
3. CLVT bụng
4. Chọc dò ổ bụng

Câu 2: BN được chẩn đoán CMTOB do chấn thương bụng, thái độ nào thích hợp điều trị

1. Truyền máu ngay cho bệnh nhân
2. Chuyển ngay bệnh nhân vào phòng mổ cấp cứu
3. Thăm khám toàn thân tìm các tổn thương phối hợp
4. Cho bệnh nhân thở oxy ngay

**VIÊM RUỘT THỪA**

**Đúng/Sai**

Câu 1: Biến chứng thường gặp của VRT cấp **Đ.S.Đ.S**

* Viêm phúc mạc khu trú
* Rò manh tràng ra da
* Đám quánh ruột thừa
* Sốc nhiễm trùng nhiễm độc

Câu 2: Các phương pháp điều trị áp xe ruột thừa gồm **S.Đ.Đ.S**

* Theo dõi tại phòng cấp cứu
* Mổ cắt ruột thừa
* Dẫn lưu ổ áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
* Điều trị kháng sinh không mổ

**MCQ thông thường**

Câu 1: Đặc điểm thường gặp trong VRT

1. Đau bụng âm ỉ liên tục HCP
2. Đau bụng từng cơn vùng dưới rốn
3. Đau dữ dội liên tục vùng rốn
4. Đau lăn lộn, vật vã vùng HCP

Câu 2: Dấu hiệu sốt hay gặp trong VRT thường gặp là

1. Không sốt
2. ≥ 39°C
3. Sốt nhẹ 37,5°C - 38°C
4. Sốt cao, rét run

Câu 3: Xét nghiệm huyết học có giá trị chẩn đoán VRT

1. Bạck cầu giảm
2. Bạch cầu tăng nhẹ
3. Bạch cầu >10.000 chủ yếu là lympho
4. Bạch cầu >10.000 chủ yếu là đa nhân trung tính

Câu 4: Chẩn đoán hình ảnh có giá trị nhất để chẩn đoán VRT

1. Chụp bụng không chuẩn bị
2. Chụp bụng hệ tiết niệu ko chuẩn bị
3. Siêu âm
4. Chụp khung đại tràng Baryte

Câu 5: Dấu hiệu có giá trị nhất để chẩn đoán VRT trên siêu âm

1. Dịch HCP
2. Ruột thừa to hơn bình thường
3. Ruột thừa to + dịch HCP
4. Ko có dịch ổ bụng

Câu 6: Dấu hiệu VRT ở người già hay gặp là

1. Đau bụng cơn, sốt, XQ thấy có mức nước hơi ở HCP hay tiểu khung
2. Đau bụng cơn, nôn, bí trung đại tiện, XQ mức nước và hơi
3. Đau bụng trên rốn dữ dội, nôn, bí trung đại tiện, XQ có quai ruột cảnh vệ
4. Đau bụng mạng sườn phải, sốt nóng sốt rét, vàng mắt, vàng da

Câu 7: Dấu hiệu LS chẩn đoán đám quánh RT:

1. Khối HCP đau, ranh giới rõ
2. Khối HCP đau, ranh giới ko rõ
3. Khối HCP ko đau, ranh giới rõ
4. HCP rỗng, có khối hạ sườn phải, đau

Câu 8: Để chẩn đoán phân biệt cơn đau quặn thận P, dấu hiệu nào nghĩ tới VRT cấp

1. Đau bụng cơn dữ dội hố thắt lưng phải + BC cao
2. Đau bụng âm ỉ liên tục HCP + BC cao
3. Đau HCP, lan xuống bộ phận sinh dục + đái buốt rắt
4. Đau HCP + đái máu toàn bãi

Câu 9: VRT cấp thường biểu hiện các triệu chứng nào

1. Sốt cao trên 40°C
2. Ỉa lỏng
3. Đau bụng HCP
4. Bạch cầu tăng cao trên 20.000

Câu 10: Yếu tố nào thường khởi phát VRT cấp

1. Nhiễm virus
2. Viêm DD cấp
3. Tắc lòng ruột thừa
4. Viêm phần phụ

Câu 11: chẩn đoán VRT khó nhất trong trường hợp nào

1. BN già >60
2. Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ
3. Trẻ em dưới 1 tuổi
4. Phụ nữ mang thai trong 3th đầu

Câu 12: Khi đã chẩn đoán xác định VRT

1. Cần điều trị kháng sinh ngay cả trước và sau mổ
2. Chỉ điều trị Ks có biểu hiện ruột thừa đã vỡ
3. Không cần điều trị Ks trước mổ
4. Cần phối hợp nhiều loại Ks trong mọi trường hợp

**1.A 2.C 3.D 4.C 5.C 6.A 7.B 8.B 9.C 10.C 11.C 12.A**

**MCQ tổ hợp:**

Câu 1: TH VRT nào bắt buộc phải mổ cc:

a.VRT cấp b. Abces RT c. Viêm FM RT d.Đám quánh RT

A.a,b B.a,c C.c,d D.a,d

**Case study:** BN nam 60T, đau bụng ko rõ vị trí từ chiều hôm trước, khám sáng hôm sau với: sốt 38°C, ấn đau HCP, có phản ứng thành bụng, nửa bụng trái ko đau. Bệnh táo bón gần 10 năm nay, hay tiểu đêm

Câu 1: Chẩn đoán nào phù hợp  
 A. K đại tràng phải

1. VRT
2. Viêm BQ
3. Sỏi niệu quản phải

Câu 2: Nếu ko chắc chắn về chẩn đoán LS cần làm gì để chẩn đoán xác định

1. Xác định chức năng thận
2. Chụp bụng ko chuẩn bị
3. Chụp khung đại tràng
4. CLVT ổ bụng

**Hẹp môn vị (HMV)**

**1. Câu hỏi Đ/S:**

Câu 1: HMV thường gặp ở bệnh nhân **Đ.Đ.S.Đ**

Loét hành tá tràng Đ/S

Ung thư đầu tụy Đ/S

Ung thư tâm vị Đ/S

Bỏng dạ dày do hóa chất Đ/S

Câu 2: Dấu hiệu nào có thể gặp trong HMV **Đ.S.Đ.Đ**

Bụng lõm lòng thuyền Đ/S

Dấu hiệu quai ruột nổi Đ/S

Sờ thấy u vùng thượng vị Đ/S

Lắc óc ách khi đói Đ/S

**2. MCQ thông thường:**

Câu 1: Chẩn đoán HMV chắc chắn nhất khi có biểu hiện **D**

A. Nôn thức ăn cũ

B. Bụng lõm long thuyền

C. U vùng thượng vị

D.Xquang dạ dày sau 6h còn thuốc ở dạ dày

**3. MCQ tổ hợp:**

Câu 1: Đặc điểm nôn trong HMV:

a. Nôn ra thức ăn bữa trước

b. Chất nôn đắng như dịch mật

c. Thường móc họng để nôn

d. Số lần nôn trong ngày tăng dần

A. a,b B. b,c C. c,d D.d,a

Câu 2: Dấu hiệu cơ năng trong HMV:

a. Bí trung đại tiện

b. Nôn dịch vị & thức ăn

c. Đau bụng ngày càng tăng

d. Đau bụng cơn

A. a,b B. b,d C. c,d D.d,a

Câu 3: Biểu hiện toàn thân của HMV:

a. HC nhiễm trùng

b. Dấu hiệu mất nước

c. Không thay đổi nhiều

d. HC thiếu máu

A. a,b B. b,c C. c,d D.d,a

Câu 4: Dấu hiệu Bouveret có thể phát hiện bằng động tác khám bụng:

a. Nhìn b. Sờ c. Gõ d. Nghe

A. a,b B. b,c C. c,d D.d,a

Câu 5: Biện pháp nào cần thiết trong HMV:

a. ĐT ngoại khoa

b. Khánh sinh phối hợp liều cao

c. Rửa dạ dày

d. Điều trị nội khoa

A. a,b B. b,c C. c,a D.d,b

Câu 6: Các PP phẫu thuật HMV do loét dạ dày tá tràng

a. Nối vị tràng

b. Cắt dây X

c. Cắt đoạn dạ dày

d. Mở thông hỗng tràng

A. a,b B. a,c C. c,d D.d,a

Câu 7: H/a Xquang của HMV:

a. Ổ đọng thuốc phình vị

b. Hình tuyết rơi

c. Dạ dày giãn to

d. Mất bóng hơi dạ dày

A. a,b B. a,c C. c,d D.d,a

**1.D 2.B 3.B 4.A 5.C 6.B 7.A**

**4. Case bệnh:** BN nam, 80 tuổi, tiền sử ĐT hẹp mạch vành, xuất hiện nôn nhiều sau ăn 3 tuần nay, vào viện suy kiệt, sút 6kg, mắt trũng, bụng lõm lòng thuyền, có DH lắc óc ách.

Câu1: Biện pháp thăm dò nào là thích hợp tìm nguyên nhân bệnh:

A. SÂ bụng

B. CLVT bụng

C. XN máu

D. Chụp dạ dày cản quang

Câu2: BN được chỉ định PT cấp cứu, phát hiện u hang vị thâm nhiễm đầu tụy. Thái độ xử trí:

A. Nối vị tràng

B. Nối vị tràng kèm cắt dây X

C. Cắt dạ dày.

D. Mở thông hỗng tràng

**Thủng ổ loét dạ dày- hành tá tràng (TLDDTT)**

**1. Câu hỏi Đ/S**

Câu 1: Tình trạng ổ bụng trong TLDDTT phụ thuộc: **S.Đ.Đ.Đ**

* Thủng ổ loét lành hay ác tính Đ/S
* Bệnh nhân đến sớm hay muộn Đ/S
* Kích thước lỗ thủng to hay nhỏ Đ/S
* Có kèm hẹp môn vị hay ko Đ/S

Câu 2: Dấu hiệu co cứng thành bụng đc khám bằng động tác: **Đ.Đ.S.S**

* Nhìn Đ/S
* Sờ Đ/S
* Gõ Đ/S
* Nghe Đ/S

**2. MCQ**

Câu 1: Tổn thương chắc chắn nhất của thủng ổ loét hành TT là:

A. Ổ bụng có dịch tiêu hóa

B. Có lỗ thủng ở hành TT

C. Bụng có giả mạc và thức ăn

D. Khoang sau phúc mạc có nhiều dịch bẩn

Câu 2: Biểu hiện điển hình của TLDDTT:

A. Có tiền sử loét DD-TT

B. Bí trung đại tiện

C. Đau đột ngột dữ dội thượng vị

D. Nôn dịch vị, thức ăn

Câu 3 Đặc điểm liềm hơi trong TLDDTT:

A. ở dưới vòm hoành 1 bên

B. Gặp trong gần 100% trường hợp

C. Kích thước rất lớn

D. Ở bên P dễ xác định hơn bên T

Câu 4 PP hút liên tục của Taylor:

A. Được coi 1 PP điều trị TLDDTT

B. Được coi là biện pháp ĐT trong lúc chờ mổ

C. Nên áp dụng thủng dạ dày do Ung thư

D. Nên áp dụng thủng dạ dày do U

**1.B 2.C 3.D 4.B**

**3. MCQ tổ hợp**

Câu 1 Dấu hiệuTLDDTT:

a. Bụng chướng căng

b. Co cứng thành bụng

c. Gõ đục vùng thấp

d. Thăm dò Douglas đau

A. a,b,c B. b,c,d C. b,c,d D. a,b,d

Câu 2 Dấu hiệu XQuang bụng không chuẩn bị của TLDDTT

a. Ổ bụng mờ

b. Mất túi hơi dạ dày

c. Thành ruột dày

d. Liềm hơi dưới hoành

A. a,b,c B. a,c,d C. b,c,d D. a,b,d

Câu 3 Dấu hiệu toàn thân trong TLDDTT là

a. Sốc thoáng qua trong giờ đầu

b. Sốc mất máu

c. DH nhiễm trùng, độc khi bn đến muộn

d. DH mất nước

A. a,b B. b,c C. c,d D.c,a

Câu 4 PP khâu lỗ thủng đơn thuần có đặc điểm:

a. ko áp dụng cho loét DD thủng

b. Chỉ điều trị biến chứng thủng chứ ko ĐT căn nguyên

c. Chỉ áp dụng cho bn đến sớm

d. Có thể kết hợp nối vị tràng hoặc tạo hình môn vị

A. a,b B. b,c C. b,d D.d,a

**1.B 2.B 3.D 4.C**

**4. Case bệnh:** BN nam, 50 tuổi, khỏe mạnh, đau thượng vị đột ngột, dữ dội, khám thấy 37,2 độ, mạch 90, HA 120/90, ấn đau, co cứng thành bụng thượng vị, nghe ko có nhu động ruột

Câu 1: CĐ Lâm sang nào hợp lý nhất

A. Viêm tụy cấp

B. Tắc ruột cơ học

C. Thủng TLDDTT

D. Viêm phúc mạc toàn thể

Câu 2: Cần làm CLS:

A. Công thức máu

B. Nội soi dạ dày

C. SÂ bụng

D. CLVT

**Chấn thương bụng (CTB)**

**1. Câu hỏi Đ/S**

Câu 1 CTB có đặc điểm: **Đ.Đ.S.S**

Có thể gặp trong đa chấn thương Đ/S

Khó CĐ nếu kèm CT sọ não Đ/S

Đa số trường hợp có tt phối hợp đa tạng Đ/S

Hầu hết CTB đều phải mổ Đ/S

Câu 2 Loại tt tạng rỗng nào thường gặp trong CTB **Đ.Đ.S.S**

Đụng dập thành ruột non Đ/S

Vỡ ruột non Đ/S

Đứt đoạn ruột non Đ/S

Hoại tử toàn bộ ruột non Đ/S

**2. MCQ**

Câu 1 Đây là đặc điểm tt mạc treo, mạch máu trong ổ bụng do CT, **trừ:**

A. Có thể gây chảy máu dữ dội

B. Có thể gây thiếu máu tạng

C. Có thể gây vỡ tạng

D. Có thể gây hoại tử tạng

Câu 2 CT tạng rỗng trong CTB có đặc điểm, **trừ:**

A. Thường gây viêm phúc mạc toàn thể

B. CĐ dựa vào liềm hơi trên phim ko chuẩn bị

C. Khó CĐ nếu vỡ sau phúc mạc

D. Biểu hiện viêm phúc mạc có thể sau vài ngày do vỡ ko hoàn toàn rồi hoại tử thủng

Câu 3 Thăm khám 1 bn CTB, cần chú ý đầu tiên:

A. Tìm DH sốc

B. DH chấn thương trên thành bụng

C. DH gõ đục vùng thấp

D. DH cảm ứng phúc mạc

Câu 4 Yêu cầu quan trọng nhất khi khám bn CTB:

A. Hỏi kĩ tiền sử bệnh

B. Hỏi kỹ hoàn cảnh xảy ra tai nạn

C. Khám hết vùng bụng tránh bỏ sót tt nặng

D. Khám toàn thân phát hiện tt phối hợp

Câu 5 Biểu hiện ko nên tìm khi khám CTB kín:

A. Vết bầm tím xây xát trên da bụng

B. Pứ thành bụng

C. Gõ đục vùng thấp

D. Túi cùng Douglas phồng và đau

Câu 6 Biện pháp CĐ chắc chắn chảy máu trong ổ bụng là:

A. SÂ bụng

B. CLVT bụng

C. Cộng hưởng từ bụng

D. Nội soi ÔB

Câu 7 Triệu chứng CLS khẳng định TT vỡ ruột trong CTB:

A. Bạch cầu tăng

B. XQuang ko chuẩn biu có liềm hơi

C. SÂ có dịch ổ bụng

D. Chọc dò hay chọc rửa ổ bụng có máu

Câu 8 Đặc điểm ĐT phẫu thuật CTB kín:

A. PT ngay khi BN đến viện

B. Cần truyền nhiều máu trước PT

C. Cần xác định tạng bị tt trước PT

D. Trường hợp nặng cần đồng thời hồi sức, PT và xác định tạng bị TT

Câu 9 Theo dõi những trường hợp CTB chưa có chỉ định PT cần:

A. Dựa vào chủ yếu SÂ bụng

B. Dựa vào chủ yếu Xquang bụng

C. Thực hiện 24h sau CTB

D. Thực hiện tại cơ sở có khả năng PT

**1.C 2.B 3.A 4.D 5.C 6.D 7.B 8.D 9.D**

**3. Case bệnh: B**N nữ, 38T, tai nạn , tỉnh, nhợt trắng, mạch 140, HA 70/40, thở 30l/p, rì rào phế nang bt, bụng chướng căng, ấn đau khắp bụng, cảm ứng phúc mạc, ko có gãy xương

Câu 1: Cần tiến hành thăm khám nào đê CĐ bệnh:

A. SÂ bụng B. CLVT C. Chọc dò ổ bụng D. Mổ thăm dò

Câu 2: Bn chuyển mổ cấp cứu, mổ bụng thấy nhiều máu:

A. Kiểm tra hết ổ bụng xác định tạng tt

B. Truyền nhiều máu ngay

C. Xác định nguyên nhân chảy máu và cầm máu tạm thời ngay

D. Hút hết máu trong ổ bụng để truyền máu hoàn hồi

**Vết thương bụng (VTB)**

**1. Câu hỏi Đ/S**

Câu 1: Đặc điểm tt giải phẫu bệnh trong VTB: **S.S.Đ.S**

Tạng đặc dễ tt hơn tạng rỗng Đ/S

Vết thương do hỏa khí phức tạp hơn vật sắc Đ/S

Lỗ vào của vết thương phải nằm trên thành bụng Đ/S

Có khi ko tạng nào bị tt Đ/S

Câu 2: Khám bệnh trong VTB cần: **Đ.S.Đ.S**

Nhìn: tìm lỗ vào của VT Đ/S

Sờ: Tìm Pứ thành bụng tại VT Đ/S

Gõ: Tìm DH có máu theo găng Đ/S

Thăm trực tràng: Tìm DH có máu theogang Đ/S

**2. MCQ**

Câu 1: Tác nhân VTB nào khó đánh giá hết tt tạng:

A. Dao găm

B. Ngã vào cọc tre

C. Trâu húc vào bụng

D. Mìn nổ

Câu 2: Đặc điểm của tt tạng trong VTB:

A. TT ống tiêu hóa có số lỗ thủng chẵn

B. Có thể tt đoạn ống tiêu hóa ngoài phúc mạc

C. TT sau phúc mạc ít gây nhiễm khuẩn

D. Gây viêm phúc mạc nếu rách bàng quang

Câu 3: Để xác định mức độ tt tạng do VTB cần hỏi:

A. Giờ bệnh nhân ăn bữa cuối

B. Loại tác nhân gây tt

C. Thời gian khi bị tt

D. Giờ bệnh nhân đi tiểu lần cuối

Câu 4: Dấu hiệu cần tìm khi khám VTB, trừ

A. Số lượng VT

B. Vị trí VT

C. Chảy dịch bất thường qua VT

D. Chảy máu qua VT

Câu 5: Trường hợp nào chưa CĐ được VTB:

A. VT thành bụng có sốc

B. VT thành bụng có HC chảy máu trong

C. VT thành bụng có HC viêm phúc mạc

D. VT thành bụng có lòi tạng

Câu 6: Biện pháp xác định VT thành bụng nhỏ có rách phúc mạc là:

A. Gây tê mở rộng VT kiểm tra

B. Dùng dụng cụ nhỏ, dài thăm dò đáy VT

C. Mổ thăm dò

D. Chọc rửa ổ bụng

Câu 7: Nguyên tắc ĐT VTB

A. Cần cho vào viện theo dõi những VT nhỏ

B. PT thăm dò toàn ổ bụng

C. Cắt bỏ phần tạng lòi ra qua VT

D. Ko nên thăm dò bằng nội soi ÔB

Câu 8: Trong cấp cứu VT bụng, không nên:

A. Hồi sức nếu có sốc

B. Tiêm phòng uốn ván

C. Khâu kín VT

D. Khâu cầm máu tạm thời nếu VT chảy máu

Câu 9: Nguyên tắc sơ cứu VTB:

A. Cắt bỏ phần tạng lòi ra qua VT

B. Lấy bỏ dị vật có tại VT

C. Đẩy tạng lòi qua VT vào ổ bụng

D. Tiêm KS, phòng uốn ván

**1.D 2.B 3.B 4.D 5.A 6.A 7.B 8.C 9.D**

**3. MCQ tổ hợp:**

Câu 1: Đặc điểm xác định đúng là VTB:

a. VT gây chảy máu nhiều

b. VT rộng

c. VT chảy dịch tiêu hóa

d. VT ???????????? (ko nhìn rõ)

A. a,b B. b,c C. c,d D.d,a

**4. Case bệnh:** Bn nữ, 18T, VT bụng do dao đâm, có 1 VT mạng sườn (P), có HC viêm phúc mạc, chuyển vào mổ cc thăm dò bụng, thái độ xử trí hợp lý:

A. Nên mở bụng bằng cách mở rộng VT thành bụng

B. Có thể gây tê VT thăm dò ÔB

C. Cần kiểm tra hết tạng tt rồi xử trí

D. Nên cắt ruột nếu bị thủng